

Sử dụng đa phương tiện trong dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 1

Đặng Thị Lệ Tâm*, **Hoàng Thị Phương****, **Nguyễn Hồng Ngọc****
Nông Thị Tú**, **Hoàng Thị Thương****

*TS. Trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

**SV. Trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

Received: 29/3/2024; Accepted: 9/4/2024; Published: 19/4/2024

Abstract: The use of media in teaching is an aspect of information technology application and innovative teaching methods, aimed at cultivating the qualities and abilities of learners. Reading comprehension is one of the elements of language ability and also one of the core competencies that elementary school students, especially first grade students, need to develop. This is a basic requirement for school education to read and understand information texts. This requires learners to have the skills to create and use information texts.

Keywords: Multimedia, informational text, reading comprehension, Vietnamese, elementary school.

1. Mở đầu

Trong giáo dục hiện nay việc sử dụng đa phương tiện (ĐPT) là một phương diện của ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học. Bên cạnh đó, đọc hiểu (ĐH) là một trong những yếu tố của năng lực ngôn ngữ và là một trong những năng lực cốt lõi cần hình thành cho học sinh (HS) tiểu học, đặc biệt HS lớp 1. Đây là yêu cầu cơ bản của việc dạy học đọc hiểu (DHĐH) văn bản thông tin (VBTT) trong nhà trường. Từ đó đòi hỏi người học phải có những kỹ năng (KN) tạo lập và sử dụng VBTT.

Bắt nguồn từ ý nghĩa của việc phát triển năng lực ĐH theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, với bài báo này, sau khi đề cập một số vấn đề về khái niệm, vai trò và ý nghĩa của sử dụng ĐPT trong DHĐH VBTT, chúng tôi đề xuất những bước sử dụng ĐPT trong các giai đoạn DHĐH VBTT cho HS tiểu học nói chung và HS lớp 1 nói riêng thông qua một số ví dụ cụ thể.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đa phương tiện trong dạy học

2.1.1. Khái niệm đa phương tiện

Đa phương tiện (multimedia) được hiểu như một phương tiện dạy học mới mà trong đó tích hợp nhiều thành phần phương tiện khác nhau, các thành phần phương tiện phối hợp với nhau theo những trật tự xác định nào đó, để huy động cùng lúc nhiều kênh cảm giác và nhiều hoạt động của người học tham gia vào quá trình học tập.

Như vậy, có thể hiểu ĐPT là sự tích hợp về các phương thức cảm giác (ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, chuyển động...) thông qua các phương tiện công nghệ (máy tính, điện thoại, kết nối internet, máy chiếu, các phần mềm, các ứng dụng...) trong đó có khả năng kết nối và tương tác giữa người dạy và người học trong một hệ thống.

2.1.2. Vai trò của đa phương tiện trong hoạt động dạy học

Ngày nay, vai trò của ĐPT trong dạy học trở nên ngày càng quan trọng. (1) ĐPT phát huy tính tích cực của người học trong quá trình học tập: ĐPT có khả năng tác động trực tiếp đến người học từ các yếu tố bên ngoài như thỏa mãn sở thích, giải trí, vui chơi... (2) ĐPT giúp người học mở rộng nhận thức thông qua tác động vào nhiều cảm giác: Khi sử dụng ĐPT kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh, GV có thể kích thích tư duy của cả hai bán cầu não; (3) ĐPT đáp ứng được phong cách học tập của người học: Máy tính với công nghệ ĐPT có thể đáp ứng nhu cầu của người học từ việc cá nhân hóa quá trình học tập và tạo ra một môi trường học tập phù hợp.

2.2. Đọc hiểu văn bản thông tin ở tiểu học

2.2.1. Văn bản thông tin

a. Khái niệm văn bản thông tin

VBTT (informational text) là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về con người, sự vật, hiện tượng hoặc hướng dẫn thực hiện hoạt động dựa trên các số liệu, sự kiện khách quan và kiến thức khoa học. VBTT rất phổ biến trong xã hội dưới dạng các bài báo, tạp chí, từ điển, sách giáo khoa; sách viết về

danh nhân, sách hướng dẫn du lịch, sử dụng thuốc, nấu ăn; báo cáo, biên bản, pa nô,... VBTT thường được trình bày bằng kênh chữ kết hợp với các kênh khác như hình ảnh, âm thanh... và thường là văn bản đa phương thức (multimodal text).

b. Đặc điểm và phân loại văn bản thông tin

Đặc điểm của loại VB này sẽ thay đổi theo từng kiểu VB cụ thể. Về cơ bản, đặc trưng của VBTT thể hiện ở những mặt sau: *Thứ nhất*, nội dung trình bày trong VBTT có tính thời sự, cập nhật. *Thứ hai*, VBTT trình bày thông tin một cách khách quan, cung cấp thông tin về đối tượng một cách chi tiết. *Thứ ba*, VBTT sử dụng từ ngữ thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau, thiên về học thuật, minh họa bằng thực tế và hình ảnh, các chương, mục,... *Thứ tư*, VBTT phong phú về thể loại, đa dạng về hình thức thể hiện.

2.2.2. Day học đọc hiểu văn bản thông tin ở tiểu học.

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn 2018, nhất là cấp tiểu học, VBTT có một vị trí quan trọng. Tuy nhiên, việc dạy đọc các VBTT hiện hành chủ yếu hướng đến mục tiêu cung cấp kiến thức, rèn luyện một số KN tiếng Việt mà chưa tạo nhiều cơ hội cho HS được thực hành, vận dụng những kiến thức, KN đã học vào thực tiễn cuộc sống. Do đó, DHDH VBTT trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 rất chú trọng đến việc DHDH. Như vậy, DHDH VBTT là quá trình tổ chức, hướng dẫn của GV nhằm giúp HS tìm ra những phương pháp ĐH khác nhau. Từ đó, giúp HS giải mã thông tin và vận dụng thông tin để lí giải những hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội qua đó hình thành và phát triển năng lực ĐH.

2.3. Sử dụng đa phương tiện trong DHDH VBTT cho HS lớp 1

2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị bài

Nhiều năm nay, Bộ GD - ĐT không có chủ trương các trường tiểu học giao bài tập về nhà cho HS học 2 buổi/ngày là một quyết định có ý nghĩa trong việc giảm áp lực cho HS và tạo điều kiện cho việc tự học và thực hành rèn luyện KN học tập. Việc chuẩn bị bài mới tại nhà khuyến khích trẻ phát triển KN tự học và tự quản lý thời gian. Cụ thể:

- *Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà với các vật thật:* Việc sử dụng vật thật là một cách hiệu quả để hỗ trợ HS hiểu sâu và áp dụng kiến thức từ hình ảnh cụ thể đến tư duy trừu tượng. Ví dụ: Trước khi dạy bài “Rửa tay trước khi ăn” ở tuần 25, SGK Tiếng Việt 1 tập 2 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống trang 64 – 65, để HS chủ động tiếp thu và hiểu bài một cách nhanh chóng. GV sẽ yêu cầu HS chuẩn bị

xà phòng hoặc nước rửa tay và yêu cầu HS tìm hiểu cách rửa tay đúng và một số cách phòng bệnh.

- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà bằng sơ đồ hóa.

Sơ đồ hóa kiến thức giúp hệ thống hóa các kiến thức đã biết liên quan đến bài học. Ví dụ: Ở tuần 26, SGK Tiếng Việt 1 tập 2 trang 78 với chủ điểm 4 “Điều em cần biết”, thì trước khi dạy bài “Đèn giao thông”, để HS chủ động tiếp thu kiến thức và hiểu bài nhanh hơn, GV giao nhiệm vụ cho HS ở nhà quan sát đèn giao thông trên các tuyến đường hoặc xem tranh ảnh, video nói về đèn giao thông. Từ đó, vẽ sơ đồ khái quát đặc điểm của đèn giao thông.



Hình 2.1. Sơ đồ hóa bài “Đèn giao thông”

- *Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà bằng việc tìm kiếm, sưu tầm những nguồn tư liệu có liên quan ở dạng hình ảnh hay video.*

Hình ảnh, video vừa có tác dụng kích thích hứng thú học tập của HS vừa là đối tượng thẩm mỹ giáo dục tư tưởng tình cảm, bồi dưỡng nhận thức và định hướng thẩm mỹ cho HS. Ví dụ: Trước khi học bài “Du lịch biển Việt Nam” [5,158], GV chia nhiệm vụ cho HS tìm hiểu hình ảnh về các bãi biển ở Việt Nam, hình ảnh về các bãi biển đẹp và nổi tiếng của nước ta như: Mũi Né - Phan Thiết, Sầm Sơn - Thanh Hóa, Kỳ Co - Quy Nhơn,... Từ đó, GV có thể cho HS tìm những hình về đặc sản của nước ta để HS sẽ có cái nhìn cụ thể hơn và dễ tiếp thu bài học. Tuy nhiên, việc sử dụng video tương đối khó so với khả năng của HS lớp 1, do đó cần có sự hướng dẫn và hỗ trợ từ phía GV và gia đình. Ví dụ: Khi chuẩn bị dạy bài “Rửa tay trước khi ăn” [5,64 – 65], GV phối hợp với phụ huynh cho HS xem trước các đoạn video ngắn như: “Các bước rửa tay đúng cách”. (<https://youtu.be/7W7rkEzCiB4?si=MTMVX9g7CttDq4nI>). Từ đó quan sát tranh các bạn đang rửa tay.

2.3.2. Giai đoạn tổ chức chiếm lĩnh tri thức đọc hiểu văn bản

- *Tổ chức DHDH VBTT có sử dụng vật thật, âm thanh, hình ảnh, video,...*

GV tổ chức hoạt động luyện tập đọc nội dung văn bản cho HS với nhiều hình thức khác nhau: quan sát nội dung văn bản trên màn hình máy chiếu, tivi,... và kết hợp với các nội dung có sẵn trong SGK. Ví dụ: Khi dạy bài “Du lịch biển Việt Nam” [4,158], GV có thể sưu tầm những hình ảnh về biển như:



Bãi biển Sầm Sơn - Thanh Hóa



Bãi biển Làng Vn – Đà Nẵng

Hay video có nội dung liên quan như: “Đi để yêu - Bao la biển gọi”

(<https://youtu.be/LloLzdf5w3Q?si=6S2Jm63jOp-JAtbb>)

Tiếp theo, GV sử dụng tivi, máy chiếu để phát lại những hình ảnh, video đã sưu tầm được cho HS xem. Sau khi HS quan sát, GV tổ chức cho HS chia sẻ những điều biết về biển.

- Tổ chức DHDH VBTT bằng các kỹ thuật dạy học KWL, Khăn trải bàn, ...

Kỹ thuật KWL (Know: Đã biết; Want: Muốn biết; Learn: Học được): KWL do Donna Ogle giới thiệu năm 1986, vốn là một hình thức tổ chức dạy học hoạt động ĐH. HS bắt đầu bằng việc động não tất cả những gì HS đã biết về chủ đề bài đọc. Thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột K của biểu đồ. Sau đó HS nêu lên danh sách các câu hỏi về những điều HS muốn biết thêm trong chủ đề này. Những câu hỏi đó sẽ được ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Trong quá trình đọc hoặc sau khi đọc xong, HS sẽ tự trả lời cho các câu hỏi ở cột W. Những thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột L. Ví dụ: trước khi cho HS đọc kỹ VBTT “Chúa tể rừng xanh” [5,110], GV yêu cầu HS đọc nhan đề bài “Chúa tể rừng xanh”, xem một số tranh ảnh và video về loài vật này (HS chuẩn bị, sưu tầm tranh ảnh con hổ từ ở nhà, GV chuẩn bị thêm video) và cho HS suy nghĩ về những gì em đã biết (về đặc điểm kích thước, về nơi sống...) và ghi vào cột đầu tiên (K) để trả lời câu hỏi “Tôi đã biết gì về vấn đề này?”, giúp HS khắc sâu kiến thức vốn có của mình. Sau đó, HS ghi thêm những câu hỏi mà bản thân muốn biết ở cột W.

Phiếu học tập KWL (Bài Chúa tể rừng xanh)

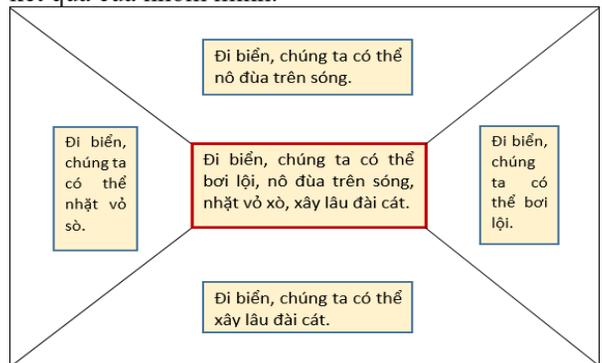
K (Tôi đã biết gì về vấn đề này)	W (Tôi muốn học/ muốn biết thêm những gì về vấn đề này)	L (Tôi đã biết gì về vấn đề này)
Văn bản: Chúa tể rừng xanh Nơi sống: trong rừng. Thức ăn: ăn thịt. Đặc điểm: khô, hung dữ.	Câu 1: Hổ ăn gì? Câu 2: Hổ sống ở đâu? Câu 3: Đuôi hổ như thế nào? Câu 4: Hổ có những khả năng gì đặc biệt?	

Sau khi đọc văn bản, HS trả lời các câu hỏi nêu ở cột W giúp HS nhận ra những cái gì mà mình đã biết và những cái chưa biết. Từ đó, so sánh những kiến thức, thông tin chính xác nhất thu được sau khi đọc so với những liên tưởng, hiểu biết hạn chế ban đầu ở giai đoạn trước và trong khi đọc VBTT.

- **Kỹ thuật Khăn trải bàn** là phương pháp dạy học đòi hỏi HS kết hợp kiến thức cá nhân vừa kết hợp với hoạt động nhóm, được thực hiện với một chủ đề nhỏ trong tiết học, HS cùng nghiên cứu một chủ đề. Mỗi cá nhân ghi ý kiến của mình vào các góc của khăn trải bàn, thực hiện làm việc độc lập trong vài phút.

Ví dụ: bài đọc “Du lịch biển Việt Nam” [5, 158], GV đưa ra câu hỏi ĐH: Chúng ta có thể làm gì khi đến biển? GV có thể cung cấp cho HS một số thông tin như: xem đoạn video ngắn, tranh ảnh về du lịch biển và gợi ý vào bài học để HS dễ dàng tìm được câu trả lời một cách ngắn gọn và chính xác nhất.

Từng cá nhân làm việc độc lập, viết ý kiến của mình vào một góc của khăn trải bàn. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời. Sau đó nhóm trưởng viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tám khăn trải bàn. GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả của nhóm mình.



2.3.3. Giai đoạn vận dụng kiến thức KN sau bài học

Sau bài học, HS sẽ có cơ hội vận dụng kiến thức và KN đã học qua các bài tập thực hành. Từ đó, có thể áp dụng những gì đã học để giải quyết các vấn đề thực tế hoặc thực hiện các vấn đề liên quan đến chủ đề bài học.

(Xem tiếp trang 41)